TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:19/2025/HNGĐ - ST Ngày: 19/12/2025 Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự.
2. Bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị X, sinh năm 1998, Căn cước công dân số: 0381970216xx do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi ngày 16/5/2022. ĐKHKTT: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: số F, đường N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Số F, đường N, khu phố D, phường T, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền nộp, nhận văn bản tố tụng của chị Phạm Thị X: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994 và anh Nguyễn H, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số F, đường N, KP4, phường T, tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2025)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992.Căn cước công dân số: 0370920105xx do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi ngày 07/3/2024. Địa chỉ: Xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình).

Chị X, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Phạm Thị X là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân giữa chị X và anh T1 là tự nguyện. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp. Anh T2 không lo làm ăn chỉ chơi bời, tụ tập bạn bè và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần bắt gặp và yêu cầu anh T2 chấm dứt các mối quan hệ đó nhưng anh T2 vẫn chứng nào tật đấy, chị đã bỏ qua và tha thứ cho anh T2 nhiều lần nhưng rồi sự việc vẫn tiếp diễn. Đỉnh điểm là tháng 9 năm 2019 chị và anh T2 cãi nhau lời qua tiếng lại, sau đó anh T2 đã đánh và chửi chị nên chị đã dọn đồ dời đi không ở cùng anh T2 nữa. Anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị X ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T1 có một con chung cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 29 tháng 04 năm 2015 hiện đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị nhận nuôi cháu Nguyễn Hoàng A và yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh và chị Phạm Thị X có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ, nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không hợp, cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Anh chị đã nhiều lần tìm biện pháp khắc phục nhưng không thành. Nay anh nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh và chị X có một con chung cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 29 tháng 04 năm 2015 hiện đang ở cùng với chị X. Nay ly hôn anh nhất trí giao cháu Nguyễn Hoàng A cho chị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng anh

T1 đồng ý cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh và chị X tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của chị X anh T1 là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 29 tháng 04 năm 2015 nguyện vọng cháu A muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án về cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Thẩm phán ban hành Quyết định chuyển vụ án là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị X ly hôn anh Nguyễn Văn T1

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 29 tháng 04 năm 2015. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị X có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại: Xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình. (Trước đây là: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình). Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị X và vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T1. Chị X, anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn ngày ngày ngày 23 tháng 08 năm 2014 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ, nay là UBND xã Đ, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Cả chị X và anh T1 đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, bản thân anh chị đã có nhiều biện pháp nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Cả chị X và anh T1 đều thừa nhận cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên anh chị thỏa thuận thuận tình ly hôn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị X và anh T1 có một con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 29 tháng 04 năm 2015 đang ở cùng chị X. Nay ly hôn cả chị X và anh T1 đều nhất trí đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng A cho chị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Hoàng A là 2.000.000đ/ tháng kể từ tháng 1/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thống nhất việc giao con sau khi ly hôn giữa anh T1 và chị X như vậy là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4]. Về tài sản chung, công nợ: Chị X và anh T1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng không có nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ

thẩm. Anh Nguyễn Văn T1 nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị X và anh Nguyễn Văn T1. (Quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 29 tháng 04 năm 2015 cho chị Phạm Thị X tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Hoàng A là 2.000.000đ/ tháng Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 1/2026 cho đến khi con chung đủ 18 và anh T1 có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung, công nợ: Chị X và anh T1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, còn công nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị X phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002074 ngày 18 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Nay là Phòng Thi hành án khu vực 4 – Ninh Bình.

Anh Nguyễn Văn T1 nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình.
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã Đ, Tỉnh Ninh Bình
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh